

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-38

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Số: 1389/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Nguyễn Quốc Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0285-2013-002-1

---

**Vũ Xuân Biển**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015*

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>109,254,711,724</b>	<b>107,761,731,882</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>33,576,210,801</b>	<b>31,880,002,460</b>
111	1. Tiền		10,076,210,801	14,380,002,460
112	2. Các khoản tương đương tiền		23,500,000,000	17,500,000,000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>28,617,036,459</b>	<b>22,841,467,405</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		19,557,153,987	19,581,404,863
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3,350,901,547	2,417,547,502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	5,000,000,000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	708,980,925	842,515,040
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>45,692,592,573</b>	<b>51,953,504,404</b>
141	1. Hàng tồn kho		45,692,592,573	51,953,504,404
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1,368,871,891</b>	<b>1,086,757,613</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	626,577,668	843,903,420
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		702,845,353	196,025,829
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	39,448,870	46,828,364
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>112,310,718,763</b>	<b>114,015,821,010</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>56,000,000</b>	<b>56,000,000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	56,000,000	56,000,000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>50,795,665,241</b>	<b>54,881,739,134</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	45,660,604,607	49,614,891,740
222	- Nguyên giá		138,642,746,909	138,476,513,834
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(92,982,142,302)	(88,861,622,094)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	5,135,060,634	5,266,847,394
228	- Nguyên giá		7,138,980,488	7,138,980,488
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,003,919,854)	(1,872,133,094)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>35,965,590,171</b>	<b>36,926,926,935</b>
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16,491,382,018)	(15,530,045,254)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>446,190,387</b>	<b>163,717,636</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		446,190,387	163,717,636
<b>250</b>	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>11,363,653,247</b>	<b>10,916,685,904</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11,241,324,047	10,794,356,704
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13,683,619,717</b>	<b>11,070,751,401</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13,683,619,717	11,070,751,401
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>221,565,430,487</b>	<b>221,777,552,892</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>21,912,533,336</b>	<b>24,150,438,320</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>17,812,533,336</b>	<b>22,350,438,320</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	8,498,928,441	7,697,339,135
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3,581,637,661	1,240,030,783
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	459,768,328	521,225,650
314	4. Phải trả người lao động		1,482,599,624	1,973,036,827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		70,995,854	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	2,814,850,687	3,500,623,970
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	903,752,741	7,418,181,955
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4,100,000,000</b>	<b>1,800,000,000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	4,100,000,000	1,800,000,000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>199,652,897,151</b>	<b>197,627,114,572</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>199,652,897,151</b>	<b>197,627,114,572</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		58,480,640,000	58,480,640,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		58,480,640,000	58,480,640,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140,906,644,443	140,906,644,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		4,368,550,442	4,368,550,442
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5,422,698,826	3,396,916,247
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		3,396,916,247	2,458,052,821
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2,025,782,579	938,863,426
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>221,565,430,487</b>	<b>221,777,552,892</b>



Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
 Người lập



Nguyễn Thị Xuân  
 Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú  
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>19</b>	<b>65,255,481,234</b>	<b>65,271,807,267</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	574,263,110	874,149,688
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>64,681,218,124</b>	<b>64,397,657,579</b>
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>21</b>	<b>57,164,860,736</b>	<b>60,477,979,137</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>7,516,357,388</b>	<b>3,919,678,442</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1,059,305,186	969,052,284
22	7. Chi phí tài chính	23	379,506,008	1,401,785,921
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>150,376,840</i>	<i>131,270,979</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		446,967,343	1,114,948,128
25	9. Chi phí bán hàng	24	1,530,022,128	907,900,878
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4,994,705,534	2,979,160,285
<b>30</b>	<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2,118,396,247</b>	<b>714,831,770</b>
31	12. Thu nhập khác		1,185,000	36,287,856
32	13. Chi phí khác		5,222,539	56,651,300
<b>40</b>	<b>14. Lợi nhuận khác</b>		<b>(4,037,539)</b>	<b>(20,363,444)</b>
<b>50</b>	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>2,114,358,708</b>	<b>694,468,326</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	88,576,129	179,900,548
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
<b>60</b>	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>2,025,782,579</b>	<b>514,567,778</b>
<b>61</b>	<b>19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>		<b>2,025,782,579</b>	<b>514,567,778</b>
<b>62</b>	<b>20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>70</b>	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>27</b>	<b>356</b>	<b>105</b>
<b>71</b>	<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		<b>335</b>	



**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
 Người lập



**Nguyễn Thị Xuân**  
 Kế toán trưởng



**Hoàng Minh Anh Tú**  
 Tổng Giám đốc  
 TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015*  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>2,114,358,708</b>	<b>694,468,326</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5,603,519,082	5,805,319,805
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		49,057,391	(14,461,467)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,395,097,730)	(807,089,874)
06	- Chi phí lãi vay		150,376,840	131,270,979
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>6,522,214,291</b>	<b>5,809,507,769</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1,339,924,084)	(1,260,972,666)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6,260,911,831	677,026,468
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2,252,542,501	731,292,997
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2,395,542,564)	1,352,024,821
14	- Tiền lãi vay đã trả		(150,376,840)	(131,270,979)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(350,000,000)	(124,052,346)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1,009,846,085
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(161,626,093)	(1,213,853,888)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>10,638,199,042</b>	<b>6,849,548,261</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(770,352,975)	(1,079,663,489)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	34,545,456
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5,000,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	300,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,042,130,387	315,643,820
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(4,728,222,588)</b>	<b>(429,474,214)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		16,544,101,186	19,135,462,037
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(20,758,530,400)	(22,980,113,324)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1,438,800)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(4,214,429,214)</b>	<b>(3,846,090,087)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>1,695,547,240</b>	<b>2,573,983,960</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		31,880,002,460	21,442,381,162
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		661,101	2,263,435
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>33,576,210,801</u>	<u>24,018,628,557</u>




---

**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
 Người lập




---

**Nguyễn Thị Xuân**  
 Kế toán trưởng




---

**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 58.480.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 58.480.640.000 đồng; tương đương 5.848.064 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu văn hóa phẩm, bao bì và cung ứng dịch vụ Công Nghệ Thông Tin.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Ngành nghề kinh doanh ( tiếp theo)**

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- **Tổng số Công ty con:**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 3 Công ty;
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty;

- **Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

- Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	Sản xuất và dịch vụ

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

### 2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

## **2.5 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Phần mềm máy tính	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
--------------------------	-------------

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.



## **2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.18 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.22 . Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	8,317,361,843	5,507,280,473
Tiền gửi ngân hàng	1,758,848,958	8,872,721,987
Các khoản tương đương tiền	23,500,000,000	17,500,000,000
	<u><b>33,576,210,801</b></u>	<u><b>31,880,002,460</b></u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	Sản xuất và dịch vụ

**5 . KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các cá nhân	5,000,000,000	-
	<b>5,000,000,000</b>	<b>-</b>

Các khoản cho vay cá nhân số tiền cho vay 5 tỷ, lãi suất 7% năm, thời hạn cho vay 01 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>708,980,925</b>	-	<b>842,515,040</b>	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	376,000,000	-	470,000,000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	33,541,332	-	45,470,480	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	626,940	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	69,660	-	-	-
Phải thu khác	298,742,993	-	327,044,560	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>56,000,000</b>	-	<b>56,000,000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	56,000,000	-	56,000,000	-
	<b>764,980,925</b>	<b>-</b>	<b>898,515,040</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27,620,046,404	-	32,912,409,149	-
Công cụ, dụng cụ	2,606,359,865	-	1,540,975,131	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	469,898,260	-	2,847,620,186	-
Thành phẩm	13,151,682,430	-	13,021,833,505	-
Hàng hoá	1,844,605,614	-	1,630,666,433	-
	<b>45,692,592,573</b>	<b>-</b>	<b>51,953,504,404</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	901,095,395	7,138,980,488
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6,237,885,093</b>	<b>901,095,395</b>	<b>7,138,980,488</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1,382,046,382	490,086,712	1,872,133,094
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	57,081,552	131,786,760
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,456,751,590</b>	<b>547,168,264</b>	<b>2,003,919,854</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4,855,838,711	411,008,683	5,266,847,394
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4,781,133,503</b>	<b>353,927,131</b>	<b>5,135,060,634</b>

**10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2015 là 16.491.382.018 đồng, trong đó khấu hao từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 961.336.764 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>626,577,668</b>	<b>843,903,420</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	626,577,668	843,903,420
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13,683,619,717</b>	<b>11,070,751,401</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,458,404,934	1,328,762,217
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	400,117,327	455,947,651
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	107,481,249	308,311,578
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	487,978,524	130,626,398
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	10,191,135,852	8,169,257,122
Chi phí in sổ hướng dẫn sử dụng	926,655,561	527,083,344
Chi phí trả trước dài hạn khác	111,846,270	150,763,091
	<b>14,310,197,385</b>	<b>11,914,654,821</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**14 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	385,722	12,818,562
Bảo hiểm xã hội	917,364	36,096,172
Bảo hiểm y tế	895,590	23,398,784
Bảo hiểm thất nghiệp	398,040	10,507,423
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7,297,200	7,297,200
Quỹ phải trả người lao động	1,445,761,942	1,749,130,442
Phải trả cán bộ công nhân viên	-	418,504,000
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,345,396,552	1,096,256,552
Phải trả, phải nộp khác	13,798,277	146,614,835
	<u><b>2,814,850,687</b></u>	<u><b>3,500,623,970</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58,480,640,000	53,562,120,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>58,480,640,000</i>	<i>53,562,120,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>58,480,640,000</i>	<i>53,562,120,000</i>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,848,064	5,848,064
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,848,064	5,848,064
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,848,064</i>	<i>5,848,064</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435,814</i>	<i>435,814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,412,250	5,412,250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,412,250</i>	<i>5,412,250</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4,368,550,442	4,368,550,442
	<b>4,368,550,442</b>	<b>4,368,550,442</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2,721.49	39,747.76
- Đồng Euro (EUR)	288.74	294.20

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	39,192,010,208	43,135,091,762
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26,063,471,026	22,136,715,505
	<b><u>65,255,481,234</u></b>	<b><u>65,271,807,267</u></b>

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
	VND	VND
<b>Mối quan hệ</b>		
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Công ty liên kết Lạc	937,846,559	834,705,192

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	128,527,510	858,563,870
Giảm giá hàng bán	445,735,600	15,585,818
	<b><u>574,263,110</u></b>	<b><u>874,149,688</u></b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	35,830,198,017	39,737,820,032
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21,334,662,719	20,740,159,105
	<b><u>57,164,860,736</u></b>	<b><u>60,477,979,137</u></b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	541,956,012	308,143,820
Cổ tức, lợi nhuận được chia	406,174,375	564,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	111,174,799	82,446,997
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	14,461,467
	<b>1,059,305,186</b>	<b>969,052,284</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	150,376,840	131,270,979
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1,214,547,530
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	180,071,777	55,967,412
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	49,057,391	-
	<b>379,506,008</b>	<b>1,401,785,921</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	806,342,220	475,090,300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258,057,373	255,006,239
Chi phí khác bằng tiền	465,622,535	177,804,339
	<b>1,530,022,128</b>	<b>907,900,878</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98,794,941	279,897,748
Chi phí nhân công	2,903,950,634	1,188,230,144
Chi phí khấu hao tài sản cố định	701,675,789	631,966,508
Thuế, phí, lệ phí	69,272,443	47,479,181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450,946,109	332,622,666
Chi phí khác bằng tiền	770,065,618	498,964,038
	<b>4,994,705,534</b>	<b>2,979,160,285</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>88,576,129</b>	<b>179,900,548</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	270,764,823	(28,781,536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(350,000,000)	(124,052,346)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>9,340,952</b>	<b>27,066,666</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2,025,782,579	514,567,778
Các khoản điều chỉnh	(101,289,129)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(101,289,129)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1,924,493,450	514,567,778
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5,412,250	4,920,398
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>356</b>	<b>105</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh sau khi ước tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ 5% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty.

**28 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015
	VND
Lợi nhuận sau thuế	2,025,782,579
Các khoản điều chỉnh	(101,289,129)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(101,289,129)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1,924,493,450
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5,412,250
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	324,735
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>335</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29,336,742,070	31,195,269,572
Chi phí nhân công	6,911,757,382	10,403,915,910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,603,519,082	4,064,476,701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,944,753,324	8,881,908,277
Chi phí khác bằng tiền	1,288,046,066	2,670,666,116
	<b>48,084,817,924</b>	<b>57,216,236,576</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33,576,210,801	-	31,880,002,460	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,322,134,912	-	20,479,919,903	-
Các khoản cho vay	5,000,000,000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	122,329,200	-	122,329,200	-
	<b>59,020,674,913</b>	<b>-</b>	<b>52,482,251,563</b>	<b>-</b>

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	5,003,752,741	9,218,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác	11,313,779,128	11,197,963,105
Chi phí phải trả	70,995,854	-
	<b>16,388,527,723</b>	<b>20,416,145,060</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33,576,210,801	-	-	33,576,210,801
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,322,134,912	-	-	20,322,134,912
Các khoản cho vay	5,000,000,000	-	-	5,000,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<b>58,898,345,713</b>	<b>122,329,200</b>	<b>-</b>	<b>59,020,674,913</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31,880,002,460	-	-	31,880,002,460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,479,919,903	-	-	20,479,919,903
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<b>52,359,922,363</b>	<b>122,329,200</b>	<b>-</b>	<b>52,482,251,563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Vay và nợ	5,003,752,741	-	-	5,003,752,741
Phải trả người bán, phải trả khác	11,313,779,128	-	-	11,313,779,128
Chi phí phải trả	70,995,854	-	-	70,995,854
	<b><u>16,388,527,723</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>16,388,527,723</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	9,218,181,955	-	-	9,218,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác	11,197,963,105	-	-	11,197,963,105
	<b><u>20,416,145,060</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>20,416,145,060</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	38,617,747,098	26,063,471,026	64,681,218,124
Chi phí bộ phận trực tiếp	35,830,198,017	21,334,662,719	57,164,860,736
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2,787,549,081</b>	<b>4,728,808,307</b>	<b>7,516,357,388</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	723,790,178	723,790,178
Tài sản bộ phận trực tiếp	45,692,592,573	35,965,590,171	81,658,182,744
Tài sản không phân bổ	-	-	139,907,247,743
<b>Tổng tài sản</b>	<b>45,692,592,573</b>	<b>35,965,590,171</b>	<b>221,565,430,487</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	8,498,928,441	-	8,498,928,441
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	13,413,604,895
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8,498,928,441</b>	<b>-</b>	<b>21,912,533,336</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	376,000,000	470,000,000
<b>Phải trả tiền vay</b>			
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc	2,300,000,000	-
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	1,800,000,000	1,800,000,000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	599,902,810	381,628,705

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết (*)	4,700,000,000	11,241,324,047	-	4,700,000,000	10,794,356,704	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	11,241,324,047	-	4,700,000,000	10,794,356,704	-
Đầu tư vào đơn vị khác	122,329,200	122,329,200	-	122,329,200	122,329,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	62,829,200	-	62,829,200	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lẻ Hoa	59,500,000	59,500,000	-	59,500,000	59,500,000	-
	<b>4,822,329,200</b>	<b>11,363,653,247</b>	<b>-</b>	<b>4,822,329,200</b>	<b>10,916,685,904</b>	<b>-</b>

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo Phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm lập BCTC hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	25,634,248,720	103,418,155,357	8,491,336,151	729,852,261	202,921,345	138,476,513,834
- Mua trong kỳ	-	113,272,727	150,815,087	459,702,364	-	723,790,178
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(557,557,103)	-	-	(557,557,103)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25,634,248,720</b>	<b>103,531,428,084</b>	<b>8,084,594,135</b>	<b>1,189,554,625</b>	<b>202,921,345</b>	<b>138,642,746,909</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	14,292,723,433	67,884,683,392	6,246,062,442	287,551,287	150,601,540	88,861,622,094
- Khấu hao trong kỳ	693,000,640	3,444,648,335	224,110,325	143,323,354	5,312,904	4,510,395,558
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(389,875,350)	-	-	(389,875,350)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14,985,724,073</b>	<b>71,329,331,727</b>	<b>6,080,297,417</b>	<b>430,874,641</b>	<b>155,914,444</b>	<b>92,982,142,302</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	11,341,525,287	35,533,471,965	2,245,273,709	442,300,974	52,319,805	49,614,891,740
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>10,648,524,647</b>	<b>32,202,096,357</b>	<b>2,004,296,718</b>	<b>758,679,984</b>	<b>47,006,901</b>	<b>45,660,604,607</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.110.179.714 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Đông Dương	818,072,420	818,072,420	818,072,420	818,072,420
Qatar Chemical And Hemical and Petrochemical Marketing Distribution Company	2,662,732,800	2,662,732,800	-	-
Phải trả các đối tượng khác	5,018,123,221	5,018,123,221	6,879,266,715	6,879,266,715
	<b>8,498,928,441</b>	<b>8,498,928,441</b>	<b>7,697,339,135</b>	<b>7,697,339,135</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	223,007,990	3,307,906,109	3,120,456,862	-	410,457,237
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	65,709,219	65,829,725	120,506	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	270,764,823	88,576,129	350,000,000	-	9,340,952
Thuế Thu nhập cá nhân	46,828,364	27,452,837	103,405,919	81,388,617	37,328,364	39,970,139
Các loại thuế khác	-	-	11,566,008	13,566,008	2,000,000	-
	<b>46,828,364</b>	<b>521,225,650</b>	<b>3,577,163,384</b>	<b>3,631,241,212</b>	<b>39,448,870</b>	<b>459,768,328</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>7,418,181,955</b>	<b>7,418,181,955</b>	<b>14,244,101,186</b>	<b>20,758,530,400</b>	<b>903,752,741</b>	<b>903,752,741</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5,833,326,255	5,833,326,255	12,694,120,061	17,623,693,575	903,752,741	903,752,741
- Ngân hàng TMCP Á Châu	1,584,855,700	1,584,855,700	1,549,981,125	3,134,836,825	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>1,800,000,000</b>	<b>1,800,000,000</b>	<b>2,300,000,000</b>	<b>-</b>	<b>4,100,000,000</b>	<b>4,100,000,000</b>
- Vay cá nhân <sup>(2)</sup>	1,800,000,000	1,800,000,000	2,300,000,000	-	4,100,000,000	4,100,000,000
	<b>9,218,181,955</b>	<b>9,218,181,955</b>	<b>16,544,101,186</b>	<b>20,758,530,400</b>	<b>5,003,752,741</b>	<b>5,003,752,741</b>

Thông tin chi tiết khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Hợp đồng tín dụng số HCM.TB.031306614 ngày 03 tháng 07 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng và 500.000 đô la Mỹ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại, nhập khẩu nguyên vật liệu;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 30/06/2015 là từ 4%/năm đến 4,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 41.380,62 USD (tương đương 903.752.74 đồng).
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty.

Thông tin chi tiết khoản vay cá nhân

Các khoản vay cá nhân không tính lãi suất, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay từ 2 tháng đến 3 năm, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp, Số dư vay tại thời điểm 30/06/2015 là 4.100.000.000 đồng trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 0 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>53,562,120,000</b>	<b>145,825,164,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>4,368,550,442</b>	<b>1,366,620,621</b>	<b>(1,183,535,716)</b>	<b>194,413,283,230</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	514,567,778	-	514,567,778
Tăng, giảm từ thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	598,805,979	1,183,535,716	1,782,341,695
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>53,562,120,000</b>	<b>145,825,164,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>4,368,550,442</b>	<b>2,479,994,378</b>	-	<b>196,710,192,703</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>58,480,640,000</b>	<b>140,906,644,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>4,368,550,442</b>	<b>3,396,916,247</b>	-	<b>197,627,114,572</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2,025,782,579	-	2,025,782,579
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>58,480,640,000</b>	<b>140,906,644,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>4,368,550,442</b>	<b>5,422,698,826</b>	-	<b>199,652,897,151</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCD ngày 15/04/2015, Thông qua Kế hoạch phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành là 324.735 cổ phần với tỷ lệ phát hành là 100:6 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 06 cổ phiếu mới). Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9,917,400,000	16.96%	9,917,400,000	16.96%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7,171,810,000	12.26%	7,171,810,000	12.26%
Ông Hoàng Văn Điều	5,460,950,000	9.34%	5,460,950,000	9.34%
Bà Lại Thị Hồng Diệp	3,357,200,000	5.74%	3,357,200,000	5.74%
Ông La Thế Nhân	2,788,210,000	4.77%	2,788,210,000	4.77%
Cổ phiếu quỹ	4,358,140,000	7.45%	4,358,140,000	7.45%
Các cổ đông khác	25,426,930,000	43.48%	25,426,930,000	43.48%
	<b>58,480,640,000</b>	<b>100%</b>	<b>58,480,640,000</b>	<b>100%</b>

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

<b>Mã số</b>	<b>Tên khoản mục</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên khoản mục</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
131	1. Phải thu khách hàng	19,581,404,863	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19,581,404,863	-
132	2. Trả trước cho người bán	2,417,547,502	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,417,547,502	-
135	5. Các khoản phải thu khác	653,035,280	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	842,515,040	189,479,760
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	56,000,000	56,000,000
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163,717,636				(163,717,636)
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163,717,636	163,717,636
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10,794,356,704	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10,794,356,704	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	122,329,200	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	122,329,200	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	56,000,000	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(56,000,000)
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	7,418,181,955	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7,418,181,955	-
312	2. Phải trả người bán	7,697,339,135	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	7,697,339,135	-
313	3. Người mua trả tiền trước	1,240,030,783	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1,240,030,783	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(189,479,760)	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	189,479,760

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Chênh lệch
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58,480,640,000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	58,480,640,000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	58,480,640,000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	1,477,656,109	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	4,368,550,442	2,890,894,333
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	2,890,894,333				(2,890,894,333)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,396,916,247	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,396,916,247	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	2,458,052,821	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	938,863,426	-
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
25	8. Chi phí bán hàng	907,900,878	25	9. Chi phí bán hàng	907,900,878	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,979,160,285	26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,979,160,285	-
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	1,114,948,128	24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1,114,948,128	-

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Chênh lệch
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>			<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định	5,805,319,805	02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	5,805,319,805	-
13	Tiền lãi vay đã trả	(131,270,979)	14	Tiền lãi vay đã trả	(131,270,979)	-
14	Thuế TNDN đã nộp	(124,052,346)	15	Thuế TNDN đã nộp	(124,052,346)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1,009,846,085	16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1,009,846,085	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1,213,853,888)	17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1,213,853,888)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	19,135,462,037	33	3. Tiền thu từ đi vay	19,135,462,037	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(22,980,113,324)	34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(22,980,113,324)	-



**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
 Người lập



**Nguyễn Thị Xuân**  
 Kế toán trưởng



**Hoàng Minh Anh Tú**  
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015